

UBND TỈNH ĐẮK LẮK
SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SKHĐT-ĐTGT

Đắk Lắk, ngày tháng 7 năm 2023

Về việc tham gia góp ý Dự
thảo Thông tư của Bộ Kế
hoạch và Đầu tư

Kính gửi:

- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các Sở, Ban, ngành;
- Các Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành, khu vực,

Sở Kế hoạch và Đầu tư nhận được Công văn số 5470/BKHĐT-QLĐT ngày 12/7/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021, Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định về cung cấp, đăng tải, quản lý và sử dụng thông tin; thời gian gửi ý kiến tham gia đến Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đấu thầu) **trước ngày 24/7/2023**.

Đề kịp thời tổng hợp ý kiến và gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu, Sở Kế hoạch và Đầu tư đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp và gửi ý kiến tham gia bằng văn bản về Sở Kế hoạch và Đầu tư **trước ngày 23/7/2023**, đồng thời gửi file mềm nội dung góp ý theo địa chỉ thư điện tử laind@khdt.daklak.gov.vn.

Nội dung Dự thảo Thông tư và nội dung Công văn số 5470/BKHĐT-QLĐT ngày 12/7/2023 được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại địa chỉ <http://www.mpi.gov.vn>, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <http://muasamcong.mpi.gov.vn> và Cổng thông tin điện tử Sở Kế hoạch và Đầu tư Đắk Lắk, địa chỉ: <http://www.daklakdpi.gov.vn> (mục Biểu mẫu hành chính).

Với nội dung trên, kính đề nghị các đơn vị quan tâm, phối hợp và sớm gửi góp ý về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo yêu cầu./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (BC);
- Lãnh đạo Sở;
- Cổng thông tin điện tử (đăng tải);
- Lưu VT, ĐTGT_{LA}.

GIÁM ĐỐC

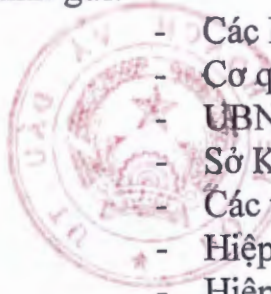
Đinh Xuân Hà

Số: ~~5470~~/BKHĐT-QLĐT

Hà Nội, ngày 16 tháng 7 năm 2023

V/v đề nghị góp ý Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022, Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Kính gửi:

- 
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
 - Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
 - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
 - Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố;
 - Các tập đoàn kinh tế, Tổng công ty 91;
 - Hiệp hội nhà thầu xây dựng Việt Nam;
 - Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam.

Trong thời gian qua, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 và Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 quy định về cung cấp, đăng tải, quản lý và sử dụng thông tin; hoạt động lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; mẫu hồ sơ mời thầu...

Trên cơ sở rà soát quy định, quy trình thực hiện tại các Thông tư nêu trên và tiếp thu ý kiến của các Bộ ngành, cơ quan, địa phương, doanh nghiệp..., Bộ Kế hoạch và Đầu tư đã xây dựng Dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia và Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu.

Để bảo đảm việc ban hành Thông tư phù hợp với thực tế và quy định của pháp luật, Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề nghị Quý Cơ quan có ý kiến góp ý cụ thể cho toàn bộ Dự thảo Thông tư nêu trên, đồng thời tập trung góp ý đối với những nội dung nêu tại phụ lục kèm theo văn bản này. File mềm của Dự thảo Thông tư được đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Chính phủ, Cổng thông tin điện tử của

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (địa chỉ <http://www.mpi.gov.vn>) và Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>).

Ý kiến góp ý bằng văn bản của Quý Cơ quan đề nghị gửi về Bộ Kế hoạch và Đầu tư (Cục Quản lý đấu thầu) trước ngày 24 tháng 7 năm 2023, kèm theo file mềm nội dung góp ý về địa chỉ email: chinhhsachdauthau@mpi.gov.vn và ghi rõ ở phần chủ đề là "**Góp ý Dự thảo Thông tư**" để tổng hợp, hoàn thiện.

Bộ Kế hoạch và Đầu tư trân trọng cảm ơn sự hợp tác của Quý cơ quan, đơn vị./. *W*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Các đơn vị trực thuộc Bộ (để góp ý);
- Lưu VT, Cục QLĐT(Đ 32).



Trần Quốc Phương

THUYẾT MINH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 và Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Sự cần thiết sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 và Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021

Trong thời gian qua, Bộ KH&ĐT đã ban hành một số Thông tư hướng dẫn thực hiện hoạt động lựa chọn nhà thầu, trong đó có các Thông tư quy định về lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia; cung cấp, đăng tải, quản lý và sử dụng thông tin; mẫu hồ sơ mời thầu... Việc ban hành các Thông tư này đã tạo cơ sở pháp lý và điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các hoạt động lựa chọn nhà thầu qua mạng, góp phần cải cách thủ tục hành chính, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động đấu thầu...

Tuy nhiên, quá trình thực hiện các Thông tư này trong thời gian qua đã phát sinh yêu cầu phải sửa đổi, bổ sung một số nội dung sau:

a) Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31/5/2022 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia (Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT)

- Về việc sử dụng chứng thư số:

Tại thời điểm ban hành Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT, Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia mới được thiết kế sử dụng chứng thư số dưới dạng USB Token (ngoài chức năng xác thực thông qua chữ ký số còn sử dụng cặp khóa RSA lưu trong thiết bị chữ ký số để mã hóa, giải mã E-HSDT...) nhằm bảo mật thông tin của nhà thầu, nhà đầu tư. Tuy nhiên, hiện nay chứng thư số chuyên dùng do Ban cơ yếu Chính phủ cấp đã được sử dụng để thực hiện giao dịch điện tử của cơ quan Đảng, Nhà nước.

Do vậy, để các cơ quan Đảng, Nhà nước không phải đăng ký sử dụng nhiều loại chứng thư số, tiết kiệm chi phí, cần sửa đổi Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT để bổ sung quy định về việc sử dụng chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cung cấp.

- Về bảo lãnh điện tử:

Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đã ban hành Thông tư số 11/2022/TT-NHNN ngày 30/9/2022 quy định về bảo lãnh ngân hàng, trong đó có quy định cho phép tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và khách hàng được lựa chọn thực hiện hoạt động bảo lãnh ngân hàng thông qua việc sử dụng các phương tiện điện tử (hoạt động bảo lãnh điện tử). Việc áp dụng hoạt động bảo lãnh điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia sẽ bảo mật được thông tin của nhà thầu tham

dự thầu, đồng thời nâng cao hiệu quả thực hiện thu hồi bảo lãnh dự thầu của chủ đầu tư, bên mời thầu. Do vậy, cần sửa đổi Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT theo hướng cho phép nhà thầu được sử dụng bảo lãnh dự thầu điện tử (ngoài bảo lãnh dự thầu bản giấy như trước đây).

Ngoài ra, một số tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu tại các Mẫu E-HSMT ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT cũng cần được tiếp tục hoàn thiện để có cách hiểu thống nhất, tránh tình trạng đánh giá khác nhau trong quá trình thực hiện.

b) Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30/9/2021 quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu (Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT):

Theo quy định của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT, chi phí đăng ký tham gia Hệ thống là 550.000 đồng, chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống là 550.000 đồng. Tuy nhiên, hiện nay, Thông tư 08/2022/TT-BKHĐT đã bổ sung quy định về chi phí trúng thầu đối với nhà thầu, nhà đầu tư nên có thể xem xét giảm chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi và giảm gánh nặng tài chính cho nhà thầu, nhà đầu tư.

Ngoài ra, quy định về chi phí nhà thầu trúng thầu đối với gói thầu chia thành nhiều phần tại Thông tư 06/2021/TT-BKHĐT chưa thể hiện rõ ràng mức thu tối đa đối với một nhà thầu, dẫn đến cách hiểu khác nhau khi áp dụng. Do vậy, cần sửa đổi quy định về vấn đề này của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT nhằm bảo đảm tính khả thi, minh bạch, thống nhất trong quá trình thực hiện.

c) Thông tư số 12/2022/TT-BKHĐT ngày 30/6/2022 và Thông tư số 15/2022/TT-BKHĐT ngày 30/6/2022 quy định chi tiết về lập hồ sơ mời thầu mua sắm hàng hóa, xây lắp đối với gói thầu thuộc phạm vi điều chỉnh của Hiệp định Đối tác Toàn diện và Tiến bộ xuyên Thái Bình Dương, Hiệp định Thương mại tự do giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Liên minh Châu Âu, Hiệp định Thương mại tự do giữa Việt Nam và Liên hiệp Vương quốc Anh và Bắc Ai-len.

Hiện nay, các mẫu hồ sơ mời thầu ban hành kèm theo 02 Thông tư nói trên quy định bên mời thầu sử dụng thang điểm 100 hoặc 1.000 để xác định điểm giá. Tuy nhiên, để tạo sự chủ động, linh hoạt cho chủ đầu tư, bên mời thầu trong việc xây dựng thang điểm đánh giá về kỹ thuật, cần sửa đổi nội dung tại 02 Thông tư này theo hướng quy định cách tính điểm kỹ thuật của hồ sơ dự thầu bằng công thức cụ thể (thang điểm T), không bắt buộc sử dụng thang điểm 100 hoặc 1.000.

2. Mục đích, yêu cầu sửa đổi, bổ sung Thông tư

Việc sửa đổi, bổ sung một số Thông tư hướng dẫn hoạt động đấu thầu nhằm:

a) Tiếp tục đơn giản hóa thủ tục, cắt giảm chi phí trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng; tạo điều kiện thuận lợi để khuyến khích nhà thầu, nhà đầu tư tham gia Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, nâng cao tính cạnh tranh cho thị trường mua sắm công.

b) Hoàn thiện quy trình, thủ tục và tính năng kỹ thuật của Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia nhằm nâng cao tính khả thi, minh bạch và thống nhất trong hoạt động lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư qua mạng, bảo đảm phù hợp với sự phát triển của công nghệ thông tin và quy định của pháp luật hiện hành.

c) Nâng cao tính chủ động, linh hoạt cho chủ đầu tư, bên mời thầu trong việc xây dựng thang điểm đánh giá về kỹ thuật phù hợp với thực tế và thông lệ quốc tế.

3. Hình thức, phạm vi sửa đổi, bổ sung

Để đẩy nhanh tiến độ soạn thảo văn bản, tạo thuận lợi cho việc áp dụng và thực hiện pháp luật, Cục Quản lý đấu thầu đề xuất xây dựng văn bản theo hình thức một Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của 02 Thông tư, bao gồm: Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT, Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT.

4. Những nội dung chủ yếu của Thông tư

a) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT theo hướng:

- Bổ sung quy định về chứng thư số chuyên dùng do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp để sử dụng trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, ngoài chứng thư công cộng đang được sử dụng hiện nay.

- Bổ sung quy định cho phép nhà thầu được sử dụng bảo lãnh dự thầu điện tử, ngoài bảo lãnh dự thầu bản giấy như quy định hiện nay.

- Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các mẫu E-HSMT cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp ban hành kèm theo Thông tư, gồm những nội dung:

- + Yêu cầu về nguồn lực tài chính;
- + Yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự;
- + Yêu cầu về năng lực sản xuất đối với nhà thầu cung cấp hàng hóa;
- + Bổ sung bảng tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần (lô).

b) Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT theo hướng bỏ chi phí đăng ký tham gia Hệ thống và giảm chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống từ 550.000 đồng xuống 330.000 đồng; quy định rõ chi phí trúng thầu đối với gói thầu chia thành nhiều phần (lô); chi phí thực hiện bảo lãnh dự thầu điện tử trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

Số: /2023/TT-BKHĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2023

THÔNG TƯ

V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022, Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26 tháng 6 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 25/2020/NĐ-CP ngày 28 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 35/2021/NĐ-CP ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư;

Căn cứ Nghị định số 89/2022/NĐ-CP ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Kế hoạch và Đầu tư;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý đấu thầu;

Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia

1. Sửa đổi, bổ sung khoản 7 Điều 3 như sau:

“7. Chứng thư số sử dụng trên Hệ thống tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn> là chứng thư số công cộng do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số công cộng cấp hoặc **chứng thư số do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số chuyên dùng Chính phủ cấp.**”.

2. Sửa đổi, bổ sung điểm a khoản 1 Điều 26 như sau:

“a) Thông tin về tính hợp lệ của E-HSDT:

- Đối với nội dung về bảo đảm dự thầu, nhà thầu kê khai thông tin và đính kèm bản scan bảo đảm dự thầu; **đối với bảo lãnh dự thầu điện tử, nhà thầu lấy bảo lãnh dự thầu điện tử từ Hệ thống vào E-HSDT mà không phải kê khai thông tin.**

- Đối với các nội dung còn lại, nhà thầu chỉ kê khai thông tin trên webform mà không cần đính kèm bản scan các văn bản, tài liệu liên quan.”.

4. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C, Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C, Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 4A, Mẫu số 4B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư theo Phụ lục I của Thông tư này.

Điều 2. Sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BKHĐT ngày 30 tháng 9 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc thu, nộp, quản lý và sử dụng các chi phí về đăng ký, đăng tải thông tin, lựa chọn nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, Báo Đấu thầu

1. Hủy bỏ điểm a khoản 1 Điều 5.

2. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 5 như sau:

“b. Chi phí duy trì tên và hồ sơ năng lực của nhà thầu, nhà đầu tư trên Hệ thống là 330.000 đồng cho một (01) năm (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Nhà thầu, nhà đầu tư nộp chi phí này kể từ năm thứ hai trở đi sau năm đăng ký tham gia Hệ thống;”.

3. Sửa đổi điểm c khoản 1 Điều 5 như sau:

“c. Chi phí nhà thầu trúng thầu đối với gói thầu áp dụng đấu thầu qua mạng được tính bằng 0,022% giá trúng thầu nhưng tối đa là 2.200.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng). Đối với gói thầu chia thành nhiều phần, tổng chi phí trúng thầu đối với tất cả các nhà thầu trúng thầu không vượt mức tối đa là 2.200.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), trong đó chi phí trúng thầu của mỗi nhà thầu được tính bằng 0,022% tổng giá trị trúng thầu đối với các phần mà nhà thầu trúng thầu. Trường hợp tính theo tỷ lệ 0,022% tổng giá trị trúng thầu đối

với các nhà thầu trúng thầu dẫn đến tổng chi phí trúng thầu vượt mức 2.200.000 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) thì nhà thầu chỉ cần nộp chi phí trúng thầu như sau:

Chi phí trúng thầu = 2.200.000 đồng x (Tổng giá trị trúng thầu đối với các phần mà nhà thầu trúng thầu/Tổng giá trị trúng thầu đối với tất cả nhà thầu trúng thầu *(chi phí này đã bao gồm thuế giá trị gia tăng)*)

4. Bổ sung khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Chi phí kết nối chức năng bảo lãnh dự thầu điện tử giữa Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia với các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được xác định trên cơ sở thỏa thuận bằng văn bản giữa Trung tâm đấu thầu qua mạng quốc gia và các tổ chức này.”.

5. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 6 như sau:

“a) Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia có trách nhiệm thu chi phí quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 và khoản 3 Điều 5 của Thông tư này. Tài khoản thu chi phí là tài khoản đồng Việt Nam của Trung tâm Đấu thầu qua mạng quốc gia mở tại ngân hàng thương mại;”.

6. Sửa đổi điểm b khoản 2 Điều 6 như sau:

Thay nội dung “Đối với chi phí nhà thầu trúng thầu, thời hạn nộp tối đa là 14 ngày kể từ ngày ký hợp đồng” bởi nội dung “Đối với chi phí nhà thầu trúng thầu, thời hạn nộp tối đa là 30 ngày kể từ ngày đăng tải kết quả lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trường hợp nhà thầu trúng thầu nhưng không ký hợp đồng thì chi phí này sẽ được hoàn trả cho nhà thầu”.

7. Bổ sung điểm d khoản 2 Điều 6 như sau:

“d. Trường hợp nhà thầu đồng thời là nhà đầu tư thì chỉ phải nộp chi phí duy trì tham gia hệ thống với tư cách là nhà thầu.”.

8. Sửa đổi khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Bên mời thầu có trách nhiệm nộp chi phí đăng tải thông tin về đấu thầu theo thời hạn quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 của Thông tư này. Trường hợp hết thời hạn thanh toán chi phí theo quy định nêu trên mà không thanh toán thì bên mời thầu không thực hiện được việc đăng tải thông báo mời quan tâm, thông báo mời sơ tuyển, thông báo mời thầu, thông báo mời chào hàng trên Hệ thống đối với các gói thầu tiếp theo cho đến khi hoàn thành trách nhiệm thanh toán chi phí theo quy định.”.

Điều 3. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với gói thầu áp dụng đấu thầu qua mạng:

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải E-HSMT trên Hệ thống trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ

trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư, E-HSMT đã đăng tải và các quy định của pháp luật điều chỉnh tương ứng.

b) Trường hợp gói thầu chưa lập E-HSMT hoặc đã lập, phê duyệt E-HSMT nhưng chưa đăng tải E-HSMT lên Hệ thống thì phải sửa đổi, phê duyệt lại E-HSMT theo quy định của Thông tư này.

2. Đối với gói thầu không áp dụng lựa chọn nhà thầu qua mạng:

a) Trường hợp gói thầu đã đăng tải hồ sơ mời thầu lên Hệ thống trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành thì việc lựa chọn nhà thầu được thực hiện theo hồ sơ mời thầu đã phát hành và các quy định của pháp luật điều chỉnh tương ứng;

b) Trường hợp gói thầu chưa lập hồ sơ mời thầu hoặc đã lập, phê duyệt hồ sơ mời thầu trước ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành nhưng chưa đăng tải hồ sơ mời thầu lên Hệ thống thì phải sửa đổi, phê duyệt lại hồ sơ mời thầu theo quy định tại khoản 8 Điều 39 Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Điều 4. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2023.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các tập đoàn kinh tế nhà nước, các tổng công ty nhà nước và tổ chức, cá nhân có liên quan gửi ý kiến về Bộ Kế hoạch và Đầu tư để kịp thời xem xét, hướng dẫn./.

BỘ TRƯỞNG

Nơi nhận:

- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy Ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng TTĐT Chính phủ;
- Cổng TTĐT Kế hoạch và Đầu tư;
- Các đơn vị thuộc Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Lưu: VT, Cục QLĐT (Đ.).

Nguyễn Chí Dũng

PHỤ LỤC I

Sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các mẫu E-HSMT cung cấp dịch vụ tư vấn, dịch vụ phi tư vấn, mua sắm hàng hóa, xây lắp ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

(Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)

I. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu E-HSMT đối với gói thầu xây lắp (các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Bổ sung Khoản 27.6 Mục 27 Chương I Mẫu số 1A ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“27.6. Nhà thầu phụ thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ.”.

2. Bổ sung Khoản 30.6 Mục 30 Chương I Mẫu số 1B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“30.6. Nhà thầu phụ thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ.”.

3. Bổ sung Khoản 21.4 Mục 21 Chương I Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“21.4. Nhà thầu phụ thực hiện một phần công việc trong bảng tổng hợp giá dự thầu; không bao gồm tổ chức, cá nhân cung cấp nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, vật tư, cấu kiện bán thành phẩm, thiết bị. Việc nhà thầu thuê nhân công để thực hiện gói thầu không phải là sử dụng nhà thầu phụ.”.

4. Sửa đổi, bổ sung Mục 3.3 và Mục 4 Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
3.3	Yêu cầu về nguồn lực tài chính cho gói thầu	Nhà thầu phải chứng minh có khả năng tiếp cận hoặc có sẵn các tài sản có khả năng thanh khoản cao⁽⁶⁾, hạn mức tín dụng khả dụng (hạn mức tín dụng còn được sử dụng) hoặc các nguồn tài chính khác (không bao gồm các khoản tạm ứng thanh toán theo hợp đồng) để đáp ứng yêu cầu về nguồn lực tài chính thực hiện gói thầu với giá trị là ____⁽⁷⁾VND. Đối với trường hợp nhà thầu sử dụng cam kết cung cấp tín dụng của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam thì cam kết cung cấp tín dụng phải đáp ứng các điều kiện: - Giá trị: Tối thiểu..... VND (ghi giá trị)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08B, 08C

		- <u>Thời gian có hiệu lực của cam kết cung cấp tín dụng: có hiệu lực trong [ghi thời gian thực hiện hợp đồng] kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực hoặc có hiệu lực đến ngày... tháng....năm... [ghi rõ ngày dự kiến hoàn thành hợp đồng, ví dụ: 31 tháng 12 năm 2022].</u> - Được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu.				
4	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng xây lắp tương tự ⁽⁸⁾	1. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm 01 công trình độc lập (ví dụ công trình A): Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu chọn một trong hai cách dưới đây: ____ “Từ ngày 01 tháng 01 năm ____⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành <u>toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹⁰⁾ tối thiểu 02 công trình có: loại kết cấu:..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu]⁽¹¹⁾</u> trong đó ít nhất một công trình có giá trị là $V^{(12)}$ và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X$, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ trong đó $X = 2 \times V$. <u>Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn⁽¹⁰⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X$ thì được coi là đáp ứng.</u> Hoặc: “Từ ngày 01 tháng 01 năm ____⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành <u>toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹⁰⁾ tối thiểu 01 công trình có: loại kết cấu:..., cấp:.... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của</u>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 5

	công trình thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, có giá trị là $V^{(12)}$ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. 2. Trường hợp gói thầu gồm tổ hợp nhiều công trình (ví dụ gồm tổ hợp 3 công trình: A1, A2, A3) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, Bên mời thầu chọn một trong hai cách dưới đây: ____ “Từ ngày 01 tháng 01 năm ____⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành <u>toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn</u>⁽¹⁰⁾ tối thiểu: - 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là $V1^{(12)}$ và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X1$, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó $X1 = 2 \times V1$. <u>Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn⁽¹⁰⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X1$ thì được coi là đáp ứng.</u> - 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là $V2^{(12)}$ và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X2$, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó $X2 = 2 \times V2$. <u>Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn⁽¹⁰⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X2$ thì được coi là đáp ứng.</u> - 02 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo				
--	--	--	--	--	--

loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, trong đó ít nhất một công trình có giá trị là $V3^{(12)}$ và tổng giá trị tất cả các công trình $\geq X3$, với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Trong đó $X3 = 2 \times V3$. Trường hợp nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc phần lớn⁽¹⁰⁾ 01 công trình đáp ứng yêu cầu về loại kết cấu, cấp công trình và có giá trị $\geq X3$ thì được coi là đáp ứng.

...

Hoặc:

“Từ ngày 01 tháng 01 năm ____⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành toàn bộ hoặc hoàn thành phần lớn⁽¹⁰⁾ tối thiểu:

- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:.... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A1 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, có giá trị là $V1^{(12)}$ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.

- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A2 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, có giá trị là $V2^{(12)}$ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.

- 01 công trình có: loại kết cấu..., cấp:... [ghi theo loại kết cấu, cấp công trình của công trình A3 thuộc gói thầu⁽¹¹⁾, có giá trị là $V3^{(12)}$ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ.

...

	3. Trường hợp gói thầu chỉ bao gồm các hạng mục công việc A1, A2, A3... (không phải là công trình theo pháp luật xây dựng) “Từ ngày 01 tháng 01 năm ⁽⁹⁾ đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu đã hoàn thành⁽¹⁰⁾ tối thiểu: - 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A1 [ghi tính chất của hạng mục A1], có giá trị là V1⁽¹²⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. - 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A2 [ghi tính chất của hạng mục A2], có giá trị là V2⁽¹²⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. - 01 hạng mục có tính chất tương tự với hạng mục A3 [ghi tính chất của hạng mục A3], có giá trị là V3⁽¹²⁾ với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh), nhà thầu quản lý hoặc nhà thầu phụ. Ngoài ra, căn cứ tính chất của gói thầu, có thể quy định điều kiện tương tự về hiện trường nhưng phải bảo đảm không làm hạn chế sự tham dự thầu của nhà thầu.				
--	--	--	--	--	--

5. Sửa đổi ghi chú (3) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính) để đối chiếu trong quá trình thương thảo hợp đồng. Nhà thầu có thể in tờ khai nộp thuế hoặc xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế.”.

6. Sửa đổi ghi chú (8) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(8) Trường hợp gói thầu gồm công trình và hạng mục theo quy định của pháp luật về xây dựng thì chỉ nêu yêu cầu về hợp đồng đồng tương tự đối với công trình. Đối với các hợp đồng tương tự mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.”.

7. Sửa đổi ghi chú (10) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(10) Hoàn thành toàn bộ nghĩa là đã thực hiện xong toàn bộ công việc của công trình/hạng mục và được nghiệm thu; hoàn thành phần lớn nghĩa là đã hoàn thành và được nghiệm thu ít nhất 80% khối lượng công việc của công trình. Thời điểm xác nhận công trình/hạng mục hoàn thành để xác định công trình/hạng mục tương tự là thời điểm nghiệm thu công trình/hạng mục, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.”.

8. Sửa đổi ghi chú (11) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 1A, Mẫu số 1B, Mẫu số 1C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(11) Ghi loại kết cấu, cấp công trình của công trình thuộc gói thầu. Loại kết cấu, cấp công trình được xác định theo Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng. Trường hợp công trình thuộc gói thầu không có trong Phụ lục II Thông tư số 06/2021/TT-BXD thì E-HSMT phải đưa ra quy định tính tương tự về bản chất của công trình; cấp công trình xác định

theo Phụ lục I Thông tư số 06/2021/TT-BXD.

Trường hợp Thông tư số 06/2021/TT-BXD được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì việc xác định loại, cấp công trình thực hiện theo quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế Thông tư số 06/2021/TT-BXD”.

II. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu E-HSMT đối với gói thầu mua sắm hàng hóa (các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Sửa đổi, bổ sung mục 4 Bảng số 02 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM
(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất⁽¹⁾ ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
4	Năng lực sản xuất hàng hoá ⁽⁷⁾	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa tương tự về tính chất với hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu <u>theo một trong hai cách dưới đây:</u> <u>- Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu:... sản phẩm/01 năm;</u> <u>Hoặc</u> <u>- Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:... sản</u>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh		
				Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
		<u>phẩm/01 năm.</u>				

2. Sửa đổi ghi chú (1) Bảng số 02 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.”.

3. Sửa đổi ghi chú (4) Bảng số 01 và ghi chú (4) Bảng số 02 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính) để đối chiếu trong quá trình thương thảo hợp đồng. Nhà thầu có thể in tờ khai nộp thuế hoặc xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế.”.

4. Sửa đổi ghi chú (7) Bảng số 02 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(7) Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất của một tháng cao nhất trong 05 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu được tính bằng: $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 \times 12 / \text{thời gian giao hàng (tính theo$

ngày)). Trong đó quy đổi 1 tháng = 30 ngày; 1 năm bằng 12 tháng và thông thường $k = 1,5$; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định $k = 1$ ".

Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện hợp đồng 20 ngày, hệ số $k = 2$ thì sản lượng sản xuất sữa trung bình một tháng trong năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu tối thiểu là: $(12.000 \times 30/20) \times 2 = 36.000$ hộp sữa/tháng.

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh sản lượng sản xuất dự kiến trung bình trong một tháng đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, các hàng hóa còn lại do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4-Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất). Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 năm.

5. Bổ sung các ví dụ sau đây tại ghi chú (10) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B, Mẫu số 2C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

- Phạm vi cung cấp gói thầu X là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá trị dự toán gói thầu A được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu X là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng $70\% \times 1,64$ tỷ đồng.

- Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng) trong thời gian 06 tháng kể

từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 150 máy điều hòa/năm ($1,5 \times (50 \text{ máy} \times 30 \times 12) / 6 \text{ tháng} \times 30$) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa cao nhất của 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 150 máy;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mỗi mã hàng hóa 8413, 8533 trong hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 70% giá trị của hạng mục hàng hóa tương ứng trong gói thầu đang xét.

- Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Y như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Y nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

- Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 tương tự với gói thầu đang xét và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng có giá trị tối thiểu là 21 tỷ đồng ($70\% \times 30 \text{ tỷ đồng}$); hoặc

- Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 7 tỷ đồng (70% x 10 tỷ đồng) và 01 hợp đồng đã thực hiện cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 14 tỷ đồng [70% x (8 tỷ đồng + 12 tỷ đồng)].

5. Bổ sung Bảng số X tại khoản 2.1 Mục 2 Chương III các Mẫu số 2A, Mẫu số 2B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

Bảng số X (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC TÀI CHÍNH VÀ KINH NGHIỆM
(Áp dụng đối với gói thầu cung cấp hàng hóa chia thành nhiều phần)

STT	Mã phần (lô)	Tên phần (lô)	Giá trị ước tính từng phần (VND)	Mã hàng hóa (HS)	Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế VAT)* (VND)	Quy mô hợp đồng tương tự (áp dụng đối với nhà thầu thương mại)** (VND)	Năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà sản xuất)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)

Đối với các nội dung lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu, thực hiện nghĩa vụ thuế, kết quả hoạt động tài chính, khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác áp dụng theo quy định tại Bảng số 01 Chương này.

Ghi chú:

(*) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về doanh thu căn cứ trên tổng giá trị doanh thu bình quân yêu cầu đối với các phần mà nhà thầu tham dự. Trường hợp nhà thầu tham dự 01 phần thì chỉ cần đáp ứng yêu cầu doanh thu của phần đó.

(**) Trường hợp nhà thầu tham dự nhiều phần, việc đánh giá về hợp đồng tương tự tương ứng với từng phần mà nhà thầu tham dự, nhà thầu không phải đáp ứng tổng quy mô hợp đồng tương tự đối với các phần mà nhà thầu tham dự.

III. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu E-HSMT đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn (các Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 3C) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Sửa đổi ghi chú (3) Bảng số 01 khoản 2.1 Mục 2 Chương III tại các Mẫu số 3A, Mẫu số 3B, Mẫu số 3C ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“(3) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế *thu nhập doanh nghiệp* của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về số liệu tài chính) để đối chiếu trong quá trình thương thảo hợp đồng. *Nhà thầu có thể in tờ khai nộp thuế hoặc xác nhận của cơ quan thuế để chứng minh thực hiện nghĩa vụ thuế.*”

VI. Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Mẫu E-HSMT dịch vụ tư vấn (các Mẫu số 4A, Mẫu số 4B) ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư

1. Sửa đổi điểm b khoản 19.2 Mục 19 Chương I Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“b) Bước 2: Tổ chuyên gia đánh giá về kỹ thuật theo quy định tại Mục 2 Chương III.

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá.

Trường hợp các thông tin kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSDT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.

- Đối với nội dung giải pháp, phương pháp luận: Tổ chuyên gia đánh giá trên cơ sở file đính kèm.
- Đối với nội dung nhân sự chủ chốt: Tổ chuyên gia đánh giá theo thông tin nhân sự kê khai trên webform và trong tài liệu đính kèm.
- Bên mời thầu đăng tải danh sách nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật lên Hệ thống;
- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, giá cố định hoặc phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá, nhà thầu đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật sẽ được mở E-HSĐXTC để đánh giá theo quy định tại Mục 20 và Mục 21 E-CDNT.
- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật: nhà thầu đạt điểm kỹ thuật cao nhất được mở E-HSĐXTC theo Mục 20 E-CDNT để thương thảo theo quy định tại Mục 27 E-CDNT.
- Nhà thầu có E-HSĐXKT không đáp ứng sẽ không được mở E-HSĐXTC để đánh giá”.

2. Sửa đổi khoản 2.2 Mục 2 Chương III Mẫu số 4A ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“2.2 Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Tổng điểm cho các nội dung kinh nghiệm và năng lực, giải pháp và phương pháp luận, **nhân sự** là 100%
- Đối với tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt: chỉ đưa các tiêu chuẩn đánh giá về trình độ chuyên môn, năng lực, kinh nghiệm trên cơ sở phù hợp với vị trí công việc của mỗi nhân sự chủ chốt nêu tại khoản 3 của Bảng trên mà không đưa tiêu chuẩn đánh giá đối với nhân sự khác.
- Đối với gói thầu áp dụng phương pháp giá thấp nhất, phương pháp giá cố định, phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá:

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được quy định thấp hơn 60% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó.* E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm về kỹ thuật.* E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

- *Đối với gói thầu áp dụng phương pháp dựa trên kỹ thuật:*

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự không được quy định thấp hơn 70% điểm tối đa của tiêu chuẩn đó.* E-HSDT không đáp ứng mức điểm yêu cầu tối thiểu đối với một hoặc các tiêu chuẩn giải pháp và phương pháp luận, nhân sự được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật.

+ *Mức điểm yêu cầu tối thiểu về kỹ thuật không được quy định thấp hơn 80% tổng số điểm về kỹ thuật.* E-HSDT có điểm kỹ thuật không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật”.

3. Sửa đổi khoản 17.2 Mục 17 Chương I Mẫu số 4B ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT như sau:

“17.2. Tiêu chuẩn đánh giá E-HSQT thực hiện theo Mục 2 Chương III. E-HSQT của nhà thầu có số điểm được đánh giá không thấp hơn mức điểm yêu cầu tối thiểu được đưa vào danh sách ngắn;

- Đối với nội dung đánh giá về hợp đồng tương tự, tổ chuyên gia căn cứ vào thông tin nhà thầu kê khai trong tài liệu đính kèm để đánh giá. Trường hợp các thông tin kê khai trong tài liệu đính kèm E-HSQT không đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT, bên mời thầu yêu cầu nhà thầu làm rõ, bổ sung hợp đồng khác để đáp ứng yêu cầu của E-HSMQT trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc.